TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2022/HC-PT
Ngày: 04 tháng 8 năm 2021
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký phiên toà: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 451/2020/TLPT-HC ngày 08 tháng 9 năm 2020 về việc: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 92/2019/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6433/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Thế T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 69, ngõ 219, tổ 14, phường B, quận L, thành phố H (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Tiến H1, Luật sư Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân quận L, thành phố H.

2.2. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân quận L, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H2, chức vụ: Chủ tịch UBND quận L; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Âu Duy C, Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất quận L; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND phường B, quận L.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh H3, chức vụ: Cán bộ địa chính phường B; có đơn xin vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Vân A, sinh năm 1973; chị Trần Minh N1, sinh năm 2000 và cháu Trần Hải Đ, sinh năm 2006, Cùng địa chỉ: Số 69, ngõ 219, tổ 14, phường B, quận L, thành phố H; chị Ngọc có mặt, bà Vân Anh và cháu Đăng có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2016, sửa đổi ngày 13/3/2017, bổ sung tại phiên tòa ngày 16/5/2019 cùng lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa người khởi kiện là ông Trần Thế T và luật sư trình bày:

Ông Trần Thế T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 6730/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận L về việc thu hồi 71,2m^2 đất, hủy Quyết định số 6762/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ gia đình ông Trần Thế T trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E.2/N011, E.2/NT5 và E.2/CL2 phụ cận tuyến đường 40m (tuyến đường nối từ Nguyễn Văn C1 đến đê tả ngạn sông H4), phường B và hủy Quyết định số 4656/QĐ-CTUBND ngày 13/12/2016 của Chủ tịch UBND quận L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Thế T đối với Quyết định số 6762/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận L bởi những căn cứ sau:

- *Đối với quyết định thu hồi đất:*

+ Quyết định thu hồi đất áp dụng quy định tại Điều 62 Luật Đất đai 2013 là không phù hợp vì diện tích đất gia đình sử dụng không nằm trong phạm vi dự án xây dựng công trình công cộng hay hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật nên không phải là đối tượng bị thu hồi bởi: UBND quận cố tình phê duyệt điều chỉnh tên dự án cho khớp với tiêu chí "hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật" nhưng thực chất là thu hồi để bán đấu giá. Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai không cho phép thu hồi đất để bán đấu giá và những trường hợp thu hồi đất theo Khoản 3 Điều 62 phải có sự chấp thuận của HĐND tỉnh.

+ Quyết định thu hồi đất căn cứ vào Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND thành phố H về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm

2016 của quận L nhưng nội dung quyết định này đã ghi rõ "Đang trình thành phố xem xét". Như vậy, Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 chưa phải là sự đồng thuận hay phê duyệt thu hồi ô đất ký hiệu E.2/N011 trong kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của quận L.

+ Trên bản vẽ quy hoạch, hai ô đất ký hiệu E.2/NT5 và E.2/CL2 là dải cây xanh phụ cận tuyến đường 40m và công trình công cộng thì việc thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013 là phù hợp. Tuy nhiên, ô đất có ký hiệu E.2/N011 trong đó có diện tích gia đình bị thu hồi không liên quan gì đến "hạ tầng kỹ thuật" hay "công trình" mà là được bổ sung vào cho hợp pháp rồi đem bán đấu giá, không theo chính sách đầu tư công. Quyết định 11742/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND quận L về việc phê duyệt điều chỉnh tên dự án đã lồng ghép 03 ô đất vào chung một dự án có mục đích khác nhau là trái quy định của pháp luật và ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố H tại Văn bản số 6249/UBND-KH&ĐT ngày 07/9/2015 của UBND thành phố H về thực hiện dự án giải phóng mặt bằng bởi việc bổ sung kế hoạch thu hồi đất để bán đấu giá chỉ có thể thực hiện khi tách thành một dự án độc lập và xin phê duyệt theo một quy trình riêng.

+ Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 15/4/2016 của UBND thành phố H về kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất không có danh mục đấu giá diện tích đất bị thu hồi của gia đình.

- Đối với quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông là nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn T1 từ năm 2003. Nguồn gốc đất của ông Phạm Văn T1 là đất tư điền của ông cha để lại từ trước năm 1970, không vào Hợp tác xã, ông T1 được gia đình tặng cho năm 2001 có xác nhận của chính quyền địa phương. Theo quy định của pháp luật thì đất của gia đình ông được xác định là đất đã tự chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất ở và có quá trình sử dụng ổn định, lâu đời. Việc ông Phạm Văn T1 chuyển nhượng đất cho gia đình ông không làm thay đổi mục đích, quá trình sử dụng đất trước đó.

2. Đại diện hợp pháp của người bị kiện là UBND quận L và Chủ tịch UBND quận L trình bày:

Ông Trần Thế T sử dụng thửa đất có diện tích 71,2m^2 thuộc thửa đất số 24 (1) tờ bản đồ số 05 bản đồ nông nghiệp phường B năm 1995 bị thu hồi toàn bộ có nguồn gốc là đất nông nghiệp cá thể được ông bà để lại cho bố mẹ ông Phạm Văn T1 trước năm 1970. Năm 2001, bố mẹ ông Phạm Văn T1 cho ông T1 với diện tích 318m^2 theo Biên bản họp gia đình ngày 22/7/2001 đã được UBND xã B xác nhận ngày 22/8/2001. Ông Phạm Văn T1 bán cho ông Trần Thế T theo giấy viết tay ngày 10/02/2004 (giấy tờ mua bán không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền). Ông T tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang làm đất ở. Công trình, vật kiến trúc xây dựng trên đất sau ngày 15/10/1993 trước

ngày 01/7/2004.

Thực tế quá trình sử dụng đất của ông Trần Thế T cùng một số hộ gia đình khác nằm trong chỉ giới GPMB đã tự xây dựng công trình, tự chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp thành đất ở, qua nhiều chủ sử dụng phức tạp, cho tặng, chuyển nhượng không thực hiện đúng, đủ các trình tự thủ tục theo quy định. Ngày 08/7/2016 Liên ngành Ban chỉ đạo GPMB thành phố, Sở Tài nguyên và Môi Trường, UBND quận đã thống nhất trình, báo cáo các nội dung vướng mắc trong quá trình áp dụng chính sách bồi thường thực hiện dự án tại Tờ trình số 516/TTrLN-BCĐ-STNMT-UBND. Ngày 10/8/2016, UBND Thành phố ban hành Văn bản số 4698/UBND-ĐT chấp thuận đề xuất áp dụng chính sách bồi thường tại Tờ trình số 516/TTrLN-BCĐ-STNMT-UBND cụ thể như sau: "*Không được bồi thường về đất, chỉ được hỗ trợ về đất theo các thời điểm tự chuyển mục đích sử dụng đất sang xây dựng nhà ở,... Trường hợp tự chuyển đổi sau ngày 15/10/1993 trước ngày 01/7/2004 thì phần diện tích đất bị thu hồi có xây dựng công trình để ở và phục vụ để ở, nằm trong hạn mức giao đất ở mới (xác định theo mức tối đa) theo quy định hiện hành, được hỗ trợ về đất theo mức giá đất được xác định bằng mức chênh lệch giữa giá đất ở cụ thể có cùng vị trí của dự án với 100% mức giá đất ở quy định tại bảng giá đất. Chính sách hỗ trợ về tài sản trên đất: Thực hiện theo quy định hiện hành (Điều 14 Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố H).*"

Trên cơ sở việc chấp thuận áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ tại Văn bản số 4698/UBND-ĐT ngày 10/8/2016 của UBND Thành phố H, UBND quận L ban hành Quyết định số 6762/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Thế T. Theo đó, không bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi, hỗ trợ diện tích thu hồi nằm trong hạn mức công nhận đất ở là 71,2m^2 x 4.800.000đồng/m^2; hỗ trợ tài sản trên đất thực hiện theo quy định hiện hành tại Điều 14 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố là phù hợp.

Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận L tại Quyết định số 4656/QĐ-CTUBND ngày 13/12/2016 đã được thực hiện đúng quy trình, đúng pháp luật và đúng theo chính sách đã được UBND thành phố phê duyệt tại Văn bản số 4698/UBND-ĐT ngày 10/8/2016. Nội dung khiếu nại của ông Trần Thế T đề nghị bồi thường, hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi theo giá đất ở cùng vị trí là không có cơ sở. Quan điểm của người bị kiện là đề nghị Tòa án xét xử bác đơn khởi kiện của ông Trần Thế T.

3. Quan điểm của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Đại diện hợp pháp của UBND phường B trình bày:

Ngày 12/9/2016, UBND phường B đã có Giấy xác nhận nguồn gốc đất với nội dung: Ông Trần Thế T sử dụng thửa đất có diện tích 71,2m^2 thuộc thửa đất số 24 (1) tờ bản đồ số 05 bản đồ nông nghiệp phường B năm 1995. Diện tích

đất bị thu hồi 71,2m^2; diện tích còn lại 0,0m^2. Nguồn gốc: Là đất nông nghiệp cá thể của ông bà, bố mẹ ông Phạm Văn T1 từ trước năm 1970. Năm 2001, bố mẹ ông Phạm Văn T1 cho ông T1 với diện tích 318m^2 theo Biên bản họp gia đình ngày 22/7/2001 đã được UBND xã B xác nhận ngày 22/8/2001. Ông Phạm Văn T1 bán cho ông Trần Thế T theo giấy viết tay ngày 10/2/2004 (giấy tờ mua bán không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền). Ông T tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang làm đất ở. Công trình, vật kiến trúc xây dựng trên đất sau ngày 15/10/1993 trước ngày 01/7/2004. UBND phường B có quan điểm đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

3.2. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là vợ và các con của ông Trần Thế T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của người khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo hoặc yêu cầu độc lập (nếu có).

4. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 92/2019/HC-ST ngày 28/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố H đã: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố H; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thế T về việc hủy các quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại sau đây:

- Quyết định số 6730/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận L về việc thu hồi 71,2m^2 đất đối với hộ ông Trần Thế T đang sử dụng tại phường B để thực hiện Dự án: Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E.2/NO11, E.2/NT5, E.2/CL2 phụ cận tuyến đường 40m (tuyến đường nối từ Nguyễn Văn C1 đến đê tả ngạn sông H4), phường B.

- Quyết định số 6762/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Trần Thế T trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E.2/NO11, E.2/NT5, E.2/CL2 phụ cận tuyến đường 40m (tuyến đường nối từ Nguyễn Văn C1 đến đê tả ngạn sông H4), phường B.

- Quyết định số 4656/QĐ-CTUBND ngày 13/12/2016 của Chủ tịch UBND quận L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Thế T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngay 06/7/2019, ông Trần Thế T kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

6.1. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên ý kiến là không đồng ý với Quyết định số 6730/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận L về việc thu hồi 71,2m^2, Quyết định số 6762/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Quyết định số 4656/QĐ-CTUBND ngày 13/12/2016 của Chủ tịch UBND quận L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Thế T vì cho rằng các quyết định hành chính đó đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

- Quan điểm của Luật sư về việc dự án thu hồi đất của dân sau đó chia lô để bán đất hay còn gọi là đấu giá quyền sử dụng đất không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai mà phải thỏa thuận về bồi thường hỗ trợ theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai.

6.2. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham dự phiên toà có quan điểm như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với người khởi kiện: từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 9, Điều 55, Điều 56, Điều 78, Điều 83, Điều 115, Điều 119, Điều 153, Điều 225, Điều 243, Điều 253 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

+ Đối với người bị kiện: từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 9, Điều 55, Điều 57, Điều 78, Điều 83, Điều 93, Điều 128, Điều 153, Điều 225, Điều 243, Điều 253 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

+ Đối với những người tham gia tố tụng khác: đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 60 đến Điều 64 Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ Điều 204, Điều 205, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, đơn kháng cáo của người khởi kiện hợp lệ, trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Tại Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của UBND thành phố H phê duyệt hệ số điều chỉnh, giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 14.400.000đ/m^2 và hạn mức giao đất ở mới tối đa của các phường trong thành phố H quy định tại Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố H là 90m^2 nên Quyết định số 6762/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận L đã phê duyệt cho hộ gia đình ông Trần Thể Thọ được hỗ trợ 71,2m^2 đất với giá 4.800.000đ/m^2

(14.400.000đ - 9.600.000đ) là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Đối tượng khởi kiện là quyết định hành chính của UBND quận L trong lĩnh vực đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND quận L nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Đơn khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Về tư cách tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện Hội đồng xét xử thấy như sau:

[2.1]. Về thẩm quyền: Quyết định số 6730/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận L về việc thu hồi 71,2m^2, Quyết định số 6762/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Quyết định số 4656/QĐ-CTUBND ngày 13/12/2016 của Chủ tịch UBND quận L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Thế T là đúng quy định của pháp luật

[2.2]. Theo quy định tại Điều 111 Luật Đất đai 2013, Điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, khoản 8 Điều 23 Quyết định số 71/2014/QĐ- UBND ngày 15/9/2014, Nhà nước thực hiện thu hồi đất tạo quỹ đất sạch để giao, cho thuê thông qua hình thức đấu giá, Quỹ phát triển đất thành phố có trách nhiệm bố trí đủ vốn vay để giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch, xây dựng hạ tầng để thực hiện các dự án đấu giá quyền sử dụng đất. Tại Quyết định số 53/QĐ-HĐND ngày 15/9/2015 của Hội đồng nhân dân quận L thể hiện mục tiêu đầu tư Dự án Giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch tại các ô quy hoạch E.2/N011, E.2/NT5 và E.2/CL2 phường B để phục vụ công tác quản lý theo quy hoạch và thu hút các nhà đầu tư vào thực hiện các dự án có sử dụng đất theo quy hoạch phục vụ công tác phát triển kinh tế, xã hội. Như vậy, quỹ đất

sạch là quỹ đất đã được Nhà nước thu hồi đất, thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Dự án Giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các ô đất có ký hiệu E.2/N011, E.2/NT5, E.2/CL2 phụ cận tuyến đường 40m (tuyến đường nối từ Nguyễn Văn C1 đến đê tả ngạn sông H4) là dự án nằm trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh tại Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 15/4/2016 ban hành kèm theo Văn bản số 3620/UBND-KH&ĐT ngày 17/6/2016 của UBND thành phố H nên theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 39 Luật Đất đai 2013 kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án cấp quốc gia và cấp tỉnh sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 62 Luật Đất đai thực hiện trong kỳ kế hoạch sử dụng đất theo từng năm và đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn thì phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

Do đó, quan điểm của người khởi kiện và luật sư về việc dự án thu hồi đất của dân sau đó chia lô để bán đất hay còn gọi là đấu giá quyền sử dụng đất không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai mà phải thỏa thuận về bồi thường hỗ trợ theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai là không có căn cứ.

[2.3]. Xét Quyết định thu hồi đất:

Tại Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 15/4/2016 của UBND thành phố về đấu giá quyền sử dụng đất năm 2016 trên địa bàn thành phố H không có dự án Giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch tại các ô quy hoạch E.2/N011, E.2/NT5 và E.2/CL2 phường B. Tuy nhiên, tại Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND thành phố H về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 tại quận L thì Dự án: Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch ô đất C2-3/N09 phương B (phân khu N10: E.2/N011; E.2/NT5; E.2/CL2) đã được phê duyệt ở mục Các dự án chưa thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2015, chuyển sang thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2016, trong đó các ô đất này thuộc loại đất ở nông thôn (ODT) căn cứ pháp lý được cấp có thẩm quyền chấp thuận là đang trình thành phố xin giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch bằng vốn ngân sách quận để tổ chức đấu giá theo chỉ đạo của UBND quận bổ sung vào kế hoạch đấu giá của thành phố. Như vậy, căn cứ pháp lý của dự án là đang trình thành phố xin giải phóng mặt bằng chứ không phải là đang trình thành phố xin phê duyệt, chấp thuận đầu tư dự án như ý kiến của người khởi kiện và luật sư. Vì Dự án Giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để quản lý theo quy hoạch các ô đất có ký hiệu, E.2/NT5, E.2/CL2 phường B đã được UBND quận L phê duyệt theo Quyết định số 9078/QĐ-UBND ngày 16/9/2015 của UBND quận L và được Hội đồng nhân dân quận L phê duyệt chủ trương đầu tư

dự án tại Quyết định số 53/QĐ-HĐND ngày 15/9/2015 của Hội đồng nhân dân quận L và chấp thuận thực hiện dự án của UBND thành phố H theo Văn bản số 6249/UBND-KH&ĐT ngày 07/9/2015 của UBND thành phố H. Do đó, UBND quận L đã ban hành Quyết định số 6730/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 với một trong những căn cứ là Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND thành phố H, trong đó tại điểm b Điều 2 có nội dung: UBND thành phố H giao UBND quận L thực hiện thu hồi đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là đúng.

Khoản 2 Điều 63 Luật Đất đai 2013 quy định các căn cứ thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng gồm các Dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 62 Luật Đất đai và Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, Quyết định số 6730/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận L về việc thu hồi 71,2m^2 đất của hộ gia đình ông Trần Thế T là đúng quy định tại Điều 62 Luật Đất đai và Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của UBND quận L đã được UBND thành phố phê duyệt.

[2.4]. Xét Quyết định số 6762/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ gia đình ông Trần Thế T:

Về loại đất: Theo Giấy xác nhận ngày 12/9/2016 của UBND phường B về nguồn gốc đất của gia đình ông Phạm Văn T1 và Đơn khởi kiện vụ án hành chính của ông Phạm Văn T1 đề ngày 15/3/2017 (trong vụ án cũng do Tòa án thành phố H đang giải quyết), thửa đất của gia đình ông Phạm Văn T1 tại xứ đồng Pháo Cuối thuộc thửa số 24 tờ số 05 bản đồ đất nông nghiệp năm 1995 phường B là đất "tư điền", "cá thể" của ông bà để lại cho bố mẹ ông Phạm Văn T1 từ trước năm 1970. Năm 2001, bố mẹ ông Phạm Văn T1 tặng cho ông Phạm Văn T1 theo Biên bản họp gia đình ngày 22/7/2001 (có xác nhận của UBND phường B). Gia đình ông Phạm Văn T1 xây dựng nhà ở từ đó cho đến khi bị thu hồi đất.

Thửa đất của gia đình ông Phạm Văn T1 không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 50 Luật Đất đai 2003 nay là Điều 100 Luật Đất đai 2013, không có quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên UBND quận L đã căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất để xác định đất nông nghiệp là đúng theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Luật Đất đai 2013 và Khoản 2 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Năm 2003 - 2004, gia đình ông Phạm Văn T1 chuyển nhượng cho gia đình ông T 64m^2 đất theo Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày

24/9/2003, sau là 68,67m^2 theo giấy ngày 10/02/2004. ồng Trần Thế T xây dựng nhà ở từ đó cho đến khi bị thu hồi đất.

Theo quy định tại Điều 36 Luật Đất đai 2003 nay là Điều 57 Luật Đất đai 2013, việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp hay đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đều phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, việc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở và việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn T1 và ông Trần Thế T là không đúng quy định của pháp luật. UBND phường B UBND quận L xác định loại đất của gia đình ông Trần Thế T là đất nông nghiệp là đúng pháp luật về đất đai.

Việc gia đình ông Trần Thế T tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang xây dựng nhà ở mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép là hành vi vi phạm pháp luật về đất đai. Việc tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất diễn ra từ lâu và tại thời điểm các hộ bắt đầu có hành vi vi phạm, chính quyền địa phương đã không có biện pháp xử lý, ngăn chặn theo quy định. Theo các quy định của Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn không có quy định về bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp sử dụng đất nông nghiệp nhưng tự chuyển đổi mục đích sang làm nhà ở. Tuy nhiên, UBND quận L đã có Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 02/6/2016 về việc xin bổ sung chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ dân sử dụng đất nông nghiệp tự chuyển đổi sang làm nhà ở; được Liên ngành Ban chỉ đạo GPMB thành phố H chấp thuận trình UBND thành phố xem xét tại Tờ trình số 516/TTrLN- BCD.STNMT.UBND ngày 08/7/2016; được UBND thành phố H thống nhất nguyên tắc về hỗ trợ, tái định cư tại Văn bản số 4698/UBND-ĐT ngày 10/8/2016.

Theo đó, việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với gia đình ông Trần Thế T thuộc trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ hộ sử dụng đất cá thể, đã tự ý chuyển mục đích, xây dựng nhà ở trên đất trước ngày 01/7/2004 mà không có văn bản xử lý ngăn chặn của cấp có thẩm quyền, được UBND cấp xã xác nhận đang có nhà ở sử dụng ổn định, không có tranh chấp và hiện vẫn đang trực tiếp quản lý, sử dụng nhà, đất bị thu hồi quy định tại điểm b khoản 2.2 Mục 2 Tờ trình số 516/TTrLN-BCĐ.STNMT.UBND ngày 08/7/2016, cụ thể: Không được bồi thường về đất, chỉ được hỗ trợ về đất theo các thời điểm tự chuyển mục đích sử dụng đất sang xây dựng nhà ở, trường hợp tự chuyển đổi từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 thì phần diện tích bị thu hồi có xây dựng công trình để ở và phục vụ để ở, nằm trong hạn mức giao đất ở mới, được hỗ trợ theo mức giá đất được xác định bằng mức chênh lệch giữa giá đất ở cụ thể có cùng vị trí của dự án với 100% mức giá đất ở quy định tại bảng giá đất.

Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của UBND thành phố H phê duyệt hệ số điều chỉnh, giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 14.400.000đ/m^2 và hạn mức giao đất ở mới tối đa của các phường trong thành phố H quy định tại Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày

20/6/2014 của UBND thành phố H là 90m^2 nên Quyết định số 6762/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận L đã phê duyệt cho hộ gia đình ông Trần Thế T được hỗ trợ 71,2m^2 đất với giá 4.800.000đ/m^2 (14.400.000đ - 9.600.000đ) là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, quan điểm của người khởi kiện và luật sư về việc dự án thu hồi đất của dân sau đó chia lô để bán đất hay còn gọi là đấu giá quyền sử dụng đất không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai mà phải thỏa thuận về bồi thường hỗ trợ theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai là không có căn cứ.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định Quyết định số 6730/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận L về việc thu hồi 71,2m^2, Quyết định số 6762/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND quận L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Quyết định số 4656/QĐ-CTUBND ngày 13/12/2016 của Chủ tịch UBND quận L là hợp pháp về hình thức và nội dung, có căn cứ pháp lý, đúng thẩm quyền, đảm bảo về trình tự thủ tục và hợp pháp về thời hạn, thời hiệu theo quy định của pháp luật.

Như vậy, Bản án số 92/2019/HC-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Trần Thế T là có căn cứ, đúng pháp luật. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Thế T.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thế T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thế T, giữ nguyên các quyết định của Bản án số 92/2019/HC-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Về án phí: Ông Trần Thế T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0020047 ngày 13/3/2020 của

Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSN cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cục Thi hành án dân sự TP Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Xuân Trọng